

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/02/2019
“ Xin ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hành

Ông Nguyễn Văn Mâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 525/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2018 về tranh chấp “ Xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 446/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N – sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện T, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Anh Tô Thanh G, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2018, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N (nguyên đơn) trình bày:

Chị và anh Tô Thanh G kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An vào ngày 13/12/2013. Thời gian đầu vợ chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng cuối tháng 12 năm 2013 thì chị N và anh G phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh G không quan tâm chăm sóc gia đình. Gia đình hai bên đã tổ chức hàn gắn nhưng không thành. Chị và anh G đã ly thân vào tháng 12 năm 2013 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh G. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Tô Thanh G.

Về con chung: Chị và anh Tô Thanh G có 02 người con chung tên Tô Tuấn K và Tô Tuấn K, đều sinh ngày 06-9-2013, hiện nay hai con đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị N xác định trong thời gian chung sống chị và anh G không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị N xác định trong thời gian chung sống chị và anh G không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Tô Thanh G, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của chị N nhưng anh G không có ý kiến. Tòa án thông báo để anh G tham gia hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh G vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa anh, chị được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Tô Thanh G tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh G vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị N và anh G kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh G, với những nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh G không quan tâm đến gia đình, chị không còn tình cảm với anh G, đã có thời gian sống ly thân từ đầu năm 2013 cho đến nay. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử anh G không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại Tòa án để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của chị N, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho anh. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn với anh G là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Tô Tuấn K và Tô Tuấn K, đều sinh ngày 06-9-2013. Hiện tại hai cháu K và K đang sống chung với chị N, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả hai cháu K và K, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ ngày sống ly thân cho đến nay hai cháu Tô Tuấn K và Tô Tuấn K do chị N nuôi dưỡng cũng đã ổn định, sức khỏe vẫn phát triển bình thường, đồng thời cũng đã được đi học ổn định nên giao hai cháu Tô Tuấn K và Tô Tuấn K cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn

nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao hai cháu Tô Tuấn K và Tô Tuấn K, cùng sinh ngày 06-9-2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị N không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả*: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh G không có ý kiến, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

[1] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Tô Thanh G.

[2] *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con tên Tô Tuấn K và Tô Tuấn K, cùng sinh ngày 06-9-2013. Anh Tô Thanh G không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tô Thanh G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004891 ngày 08/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo bản án của anh Tô Thanh G là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng NVKT&THA;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Kiệt